

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15/7/2022

V/v: Ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Minh Đức và bà Dương Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 11/2022/TLST - HNGĐ ngày 17/5/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/6/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lã Văn D, sinh năm 1973; nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam. (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1974; nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: Tổ xx khu phố x, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – anh Lã Văn D trình bày:

*** Về hôn nhân:** Anh và chị Nguyễn Thị L tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 29/11/1995 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam; trước khi cưới được tự nguyện tìm hiểu. Sau ngày cưới vợ chồng thuê nhà chung sống tại tiểu khu B nay là tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam đến cuối năm 1996 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng lấy nhau khi còn trẻ, chưa có công ăn việc làm ổn định, kinh tế gia đình khó khăn nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau. Mâu thuẫn căng nhất vào cuối năm 1997 đầu năm 1998; chị L muốn vợ chồng vào miền Nam sinh sống nhưng anh không muốn; vợ chồng xảy ra cãi chửi, đánh nhau. Sau đó chị L đã mang con vào miền Nam không

quay về chung sống cùng anh nữa; vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 1998 đến nay. Trước khi anh làm đơn ly hôn, anh đã 4 – 5 lần vào nơi chị L ở nói chuyện nhưng cả hai đều thấy không thể hàn gắn được với nhau do tình cảm vợ chồng không còn; hai người thống nhất ly hôn và lựa chọn Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam là Tòa án giải quyết việc ly hôn. Nay anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị L theo quy định của pháp luật.

*** Về con chung:** Anh xác định anh và chị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng Q, sinh ngày 16/8/1996; hiện cháu đang là giáo viên và ở cùng với chị L. Khi ly hôn anh không đề nghị Tòa án giải quyết về quyền nuôi dưỡng cháu Q do cháu đã trên 18 tuổi và có cuộc sống tự lập. Anh xác định tại thời điểm chị L ra Bắc về UBND xã B, huyện B (quê chị Luyến) làm giấy khai sinh cho cháu Q thì vợ chồng đang mâu thuẫn căng thẳng nên chị L đã khai sinh cho cháu Q mang họ chị L là họ “Nguyễn” và ghi phần tên cha là “Nguyễn Tiến D, sinh ngày 20/8/1972” chứ không phải ghi họ tên anh là “Lã Văn D, sinh ngày 05/6/1973”. Tuy nhiên anh và chị L từ trước đến nay luôn xác định cháu Q là con chung của anh và chị L.

*** Về tài sản (bao gồm: Tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng):** Anh xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về trợ cấp khó khăn sau ly hôn:** Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – chị Nguyễn Thị L trình bày:

*** Về hôn nhân:** Chị và anh Lã Văn D tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 29/11/1995 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến cuối năm 1996 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi cọ; nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống, cách suy nghĩ. Do mâu thuẫn không thể chung sống nên từ năm 1998 chị đã mang con chuyển vào phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai sinh sống, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay anh D kiện ly hôn; chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn. Chị và anh D thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam là Tòa án duy nhất giải quyết việc ly hôn của anh chị. Do chị đang ở xa, không có điều kiện đến Tòa để giải quyết việc ly hôn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị.

*** Về con chung:** Chị xác định chị và anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng Q, sinh ngày 16/8/1996; hiện cháu đang là giáo viên và ở cùng với chị. Khi ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết về quyền nuôi dưỡng cháu Q do cháu đã trên 18 tuổi và có cuộc sống tự lập. Chị xác định chị là người làm thủ tục khai sinh cho cháu Q. Tại thời điểm làm giấy khai sinh cho cháu Q thì vợ chồng chị đang mâu thuẫn, do bức tức nên chị đã khai sinh cho cháu Q mang họ chị là họ “Nguyễn” và ghi phần tên cha là “Nguyễn Tiến D, sinh ngày 20/8/1972”. Tuy

nhiệm vụ xác định cháu Q là con chung của chị và anh Lã Văn D. Hiện chị không mang thai hoặc nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

*** Về tài sản (bao gồm: Tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng):** Chị xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về trợ cấp khó khăn sau ly hôn:** Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tại phiên tòa, anh D giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

[4] Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Bình Lục có quan điểm:

*** Về tố tụng,** TAND huyện B thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại tòa và xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*** Về giải quyết vụ án;** đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các điều 54, 55 Luật Hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của anh Lã Văn D. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lã Văn D và chị Nguyễn Thị L.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lã Văn D và chị Nguyễn Thị L, mỗi người phải nộp 150.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng: Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn”; bị đơn – chị Nguyễn Thị L đăng ký HKTT và cư trú tại tổ xx khu phố x, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên anh D và chị L đã có đơn thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam là Tòa án duy nhất giải quyết việc ly hôn của anh chị; đồng thời chị L đã có đơn đề nghị được giải quyết vắng mặt do vậy Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết và xét xử vắng mặt chị L là đúng thẩm quyền và đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Về giải quyết vụ án:

[1] Về hôn nhân: Anh Lã Văn D và chị Nguyễn Thị L tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 29/11/1995 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam; trước khi cưới được tự nguyện tìm hiểu. Sau ngày cưới vợ chồng thuê nhà chung sống tại tiểu khu B nay là tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh

Hà Nam đến cuối năm 1996 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không biết động viên chia sẻ khi gặp khó khăn về kinh tế dẫn đến cãi chửi nhau. Từ năm 1998 chị L đã mang con vào miền Nam sinh sống; vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Xét thấy thực tế cuộc sống chung của vợ chồng anh D, chị L đã chấm dứt từ năm 1998 đến nay. Xét thấy sau này anh D và chị L đã nhiều lần gặp nhau nhưng cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên không có khả năng vợ chồng đoàn tụ chung sống. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của anh D; xử cho anh D ly hôn chị L là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh Lã Văn D và chị Nguyễn Thị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng Q, sinh ngày 16/8/1996; hiện cháu đang là giáo viên và ở cùng với chị L. Do cháu Q đã trên 18 tuổi và cả anh D, chị L đều xác định cháu đã trưởng thành và tự lập, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản (bao gồm: Tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng); trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do anh D, chị L không đề nghị giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết vấn đề này. Nếu sau này anh D, chị L xảy ra tranh chấp về tài sản thì có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh D phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

1. Xử cho anh Lã Văn D ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lã Văn D phải nộp 300.000 đồng.

Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà anh D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số AA/2021/0000xxx ngày 17/5/2022 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà anh D phải chịu. *(Anh D đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm).*

Báo cho anh D biết anh được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho chị L biết chị được quyền kháng cáo trong hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND thị trấn B;
- UBND phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đặng Trần Anh Dũng
(Đã ký)